

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 10/4/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Em

Ông Nguyễn Văn Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà La Thị Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1973.**

Địa chỉ: số nhà 41C, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* **Bà Lê Thị C, sinh năm: 1957.**

Địa chỉ: Số 07, ấp C, xã D, huyện châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* **Ông Nguyễn Thành B, sinh năm: 1948.**

Địa chỉ: ấp Số 07, ấp C, xã D, huyện châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị Yến ph, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông B, chị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 2015 bà Ch có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ. Cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000đồng, khai vào ngày 20/02/2015 (Âm lịch), hụi mãng vào ngày 20/10/2016 (Âm lịch). Dây hụi gồm có 21 phần. Bà C tham gia chơi 01 phần. Bà C đóng được một lần hụi sống. Đến lần khai thứ 2 vào ngày 20/3/2015 (Âm lịch) thì bà C hốt hụi. Số tiền bà C hốt được là 14.900.000 đồng. Do lúc đó bà C bận đi công việc nên bà C có nhờ chị Trần Thị Yến Ph- là cháu của bà C đến lấy tiền hụi

giùm cho bà C. Nhiều lần bà P đến nhà bà C để thu tiền hụi chết nhưng bà C kêu bà P chàng hụi. Đến tháng thứ 3 thì bà P đến nhà bà C để tiếp tục thu tiền hụi bà C nói đã sang phần hụi này cho chị Ph, chị Ph phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà P. Bà P không đồng ý vì bà C chơi hụi của bà thì phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà. Kể từ ngày 20/4/2015 (Âm lịch) đến khi hụi mãng ngày 20/10/2016 (Âm lịch) thì bà C không đóng hụi chết cho bà P. Việc bà C tham gia chơi hụi của bà ông B có biết vì nhiều lần bà P đến nhà thu tiền hụi có gặp ông B. Ông B có hứa sẽ bán mận để trả tiền cho bà. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà C, ông B có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), bà P không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Tại biên bản hòa giải, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị C trình bày:

Bà C thừa nhận có tham gia chơi phần hụi 1.000.000 đồng, hụi có 21 hụi viên, thời gian khui hụi, mãng hụi như bà P trình bày là đúng. Hụi này bà Chung đã hốt vào ngày 20/3/2015 (Âm lịch). Sau khi hốt hụi do bà C bận công việc nên bà C có nhờ cháu của bà là chị Trần Thị Yến Ph đến nhà bà P lấy tiền hụi giùm bà C. Chị Ph lấy tiền hụi và có đóng lại tiền cho bà P các dây hụi chị Ph chơi riêng với bà P. Số tiền còn lại chị Ph đưa lại cho bà vì không đủ nên bà C không lấy. Bà C thỏa thuận sang dây hụi này cho chị Ph và được sự đồng ý của chị Ph và bà P. Từ đó đến nay bà P không có đến nhà bà để góp hụi nữa. Nay bà P và chị P không thừa nhận có thỏa thuận sang hụi này cho chị Ph mà bà C không có chứng cứ gì để chứng minh. Do đó qua yêu cầu khởi kiện cả bà P là yêu cầu bà trả số tiền hụi là 19.000.000 đồng bà C đồng ý trả số tiền nợ này nhưng hoàn cảnh bà khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng cho bà P là 500.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ 19.000.000 đồng. Còn việc chị Ph nhận tiền hụi của bà P giùm bà thì bà C sẽ khởi kiện bà Ph thành vụ kiện khác. Bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Bà C cho rằng việc bà tham gia chơi hụi với bà P thì ông B không biết và không có liên quan gì.

Tại biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành trình bày:

Việc bà C tham gia chơi hụi của bà P thì ông B không biết vì ông B không có nghe bà C nói lại với ông. Do đó, ông B không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà C trả số tiền hụi theo yêu cầu của bà P.

Tại biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Yến Ph trình bày:

Tiền hụi của bà P khởi kiện với bà C, ông B thì chị Ph có biết. Nhưng giữa bà P với bà C làm gì làm chứ chị Ph không biết. Khi bà C hốt hụi thì chị Ph có nhận tiền hụi giùm của bà P giao cho bà C. Số tiền chị Ph nhận giùm của bà C là 14.900.000 đồng. Số tiền này chị Ph đã giao lại hết cho bà C chứ chị Ph không có sử dụng. Do đó, bà C hốt hụi của bà P thì phải có trách nhiệm đóng cho bà P chứ chị Ph không có liên quan gì trong vụ án này. Giữa chị Ph, bà P, bà C là không có thỏa thuận sang phần hụi của bà C qua cho chị Ph và chị Ph có trách nhiệm đóng hụi cho bà P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung:* Bà C thừa nhận có tham gia chơi phần hụi 1.000.000 đồng và đã hốt hụi, thời gian khui hụi, mãng hụi như bà P trình bày là đúng. Từ ngày 20/4/2015 (Âm lịch) đến khi hụi mãng là ngày 20/10/2016 (Âm lịch) bà không đóng hụi cho bà P vì bà cho rằng bà nhờ chị Ph nhận tiền hốt hụi giùm. Sau đó bà không nhận tiền mà đã sang luôn hụi này cho chị Ph, chị Ph có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà P, bà P, chị Ph đều đồng ý nên bà không đóng hụi chết cho bà P. Nay, bà đồng ý trả 19.000.000 đồng cho bà P nhưng xin trả dần 500.000 đồng/tháng. Tại tòa, bà P không đồng ý, bà P yêu cầu bà C và chồng là ông B trả một lần số tiền trên cho bà. Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2019 và tại tòa bà P trình bày việc sang hụi giữa bà C và chị Ph, bà C có nói nhưng bà không đồng ý. Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2019 chị Ph trình bày: Giữa chị và bà C, bà P không có thỏa thuận là bà C sang nhượng phần hụi này cho chị và chị có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà P. Chị mượn tiền, vàng của bà C nhưng không liên quan gì đến tiền hốt hụi. Từ đó cho thấy, việc sang nhượng hụi giữa bà C và chị Ph như lời trình bày của bà Chung là không có cơ sở. Việc bà C có chơi hụi và hốt hụi được bà C thừa nhận. Chứng tỏ bà P đã làm tròn trách nhiệm của chủ hụi. Bà C không đóng hụi chết, do đó bà P yêu cầu buộc bà C trả phần tiền hụi này là có cơ sở. Đối với lời trình bày của bà C về việc không nhận tiền từ chị Ph mà giao hết cho chị Ph do bà sang hụi, đây là quan hệ khác giữa bà C với chị Ph. Nếu có tranh chấp thì bà C có quyền khởi kiện chị Ph trong vụ kiện khác. Về trách nhiệm liên đới của ông B, nhận thấy: Theo bản tự khai, cũng như tại các biên bản hòa giải ông B đều trình bày không tham gia và cũng không biết việc chơi hụi giữa bà C với bà P. Bà C không mang tiền về sử dụng chung trong gia đình. Bà C thì trình bày không có nhận tiền. Do đó, không có cơ sở cho rằng bà C đã dùng tiền hốt hụi để sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình bà. Vì vậy, không có cơ sở buộc ông B trả nợ cùng bà C nên không chấp nhận yêu cầu của bà P về việc buộc ông B liên đới trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà P số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng, ghi nhận việc bà P không yêu cầu tính lãi số tiền trên, không chấp nhận yêu cầu của bà P về việc yêu cầu ông B cùng trả nợ với bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Lê Thị C và ông Nguyễn Thành B thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Lê Thị Chung và ông Nguyễn Thành B có nơi cư trú tại ấp Hàm Luông, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành B và chị Trần Thị Yến Ph có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B và chị Ph .

[2] Về nội dung: Bà P yêu cầu bà C , ông B có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền hụi từ ngày 20/4/2015 (Âm lịch) đến ngày 20/10/2016 (Âm lịch) với số tiền là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Tại các biên bản hòa giải của Tòa án bà C cũng thống nhất có tham gia chơi dây hụi 1.000.000 đồng như bà P trình bày là đúng và số tiền hụi bà còn thiếu của bà P là 19.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận giải quyết vụ án. Tuy nhiên các bên cũng không thương lượng được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét yêu cầu đòi số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) của nguyên đơn thấy rằng: Bà C thừa nhận bà Chung có tham gia chơi dây hụi 1.000.000 đồng vào ngày 20/02/2015 (Âm lịch) và đã hốt dây hụi nêu trên. Số tiền hụi bà còn thiếu của bà P là 19.000.000 đồng. Tuy nhiên bà C cho rằng hụi này chị Ph là người nhận tiền thay bà và bà đã sang dây hụi này cho chị Ph thì chị phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà P . Nhưng đây là lời trình bày của bà C chứ không có chứng cứ gì chứng minh việc bà P , bà C và chị Ph thỏa thuận sang dây hụi này cho chị Ph . Bà P và chị Ph đều cho rằng hụi này bà C tham gia chơi với bà Phỉ và đã hốt nên phải có trách nhiệm đóng hụi chết cho bà P , chứ chị Ph không có liên quan gì trong vụ kiện này. Tại phiên tòa bà C cũng đồng ý trả số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng cho bà P nhưng hiện nay hoàn cảnh của bà khó khăn nên bà xin trả dần cho bà P mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền nợ 19.000.000 đồng. Bà C xin trả dần nhưng bà P không đồng ý. Xét thấy đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông B không tham gia và không biết việc bà C chơi hụi của bà P nên không đồng ý liên đới cùng bà C trả số tiền nợ hụi cho bà P . Bà C cũng cho rằng bà chơi hụi ông B không biết. Bà không có sử dụng số tiền hụi này để sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Số tiền hụi bà C không có nhận. Do đó, không có cơ sở để buộc ông B liên đới cùng bà C trả số tiền nợ hụi 19.000.000 đồng cho bà P .

Bà C trình bày bà không có nhận tiền hụi từ chị Ph do bà đã sang hụi qua cho chị Ph . Bà C g sẽ khởi kiện chị Ph thành vụ kiện khác, không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng bà Chung tham gia chơi hụi của bà P và đã hốt hụi. Từ ngày 20/4/2015 (Âm lịch) đến khi hụi mãng là ngày 20/10/2016 (Âm lịch) bà C nợ số tiền hụi chết là 19.000.000 đồng. Bà C phải có trách nhiệm đóng tiền hụi chết cho bà P .Việc bà C chơi hụi ông B không tham gia và không biết. Do đó, không có cơ sở để buộc ông B có trách liên đới trả tiền nợ hụi cho bà P .

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà C phải chịu số tiền án phí là 950.000đồng. Tuy nhiên bà C là người cao tuổi nên căn cứ

theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà C được xem xét miễn toàn bộ án phí.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 357, 471 của Bộ luật dân sự 2015, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về hộ, hội, biên, phường.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Lê Thị C có trách nhiệm trả cho bà P số tiền hội là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Ghi nhận việc bà P không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà C phải nộp số tiền là 950.000đồng. Nhưng bà C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị bà C số tiền tạm ứng án phí là 475.000đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0020629 ngày 11 tháng 12 năm 2018.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- CCTHADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh

